

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: Ngoại ngữ

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN-LẦN 2
Học kỳ 1 , năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 71CHIN40283

Tên học phần: Ngữ Pháp nâng cao

Mã nhóm lớp học phần: 231_71CHIN40283_01, 02, 03

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

SV được tham khảo tài liệu: Có

Không

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM - (30 câu / 7.5 điểm = 0.25 điểm / 1 câu)

A. PHÁN ĐOÁN ĐÚNG SAI 判断题

1.词素是最小的语法单位，能单独运用的。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

2.词的功能是构成词组的材料。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

3.“象声词”是双音节单纯词中的一种类型之一。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

4.单纯词是整个词可以表示两个或两个以上的意义。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

5.“桌子”、“叶子”这两个词语里的“子”都表示词缀。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

6.“打的”和“他的”这两个词语里的“的”都是是词。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

7. “石榴花儿”、“婴幼儿”、“萝卜干儿”都含三个语素的一组词语。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

8. 现代汉语语法即是古代汉语语法。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

9. 普通话是以北京语音为标准音，以北京方言为基础方言，以典范的古代白话文著作作为语法规范。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

10. 词类是词的语法分类，而不是词汇分类。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

11. 语法功能是一个词语在句中能出现在什么位置，能和什么词语组合。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

12. 若按语素，把词分成两大类：单纯词和合成词。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

13. 虚词是意义表示实在的，能独立充当句子成分。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

14. 名词能受程度副词“很、挺、非常”。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

15. “桌子”、“椅子”、“笔”是处所名词。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

16.名词常作主语和宾语，不能做补语。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

17.表示时间和处所的名词也可以作状语。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

18.“下龙湾我去过一趟。”句中的“一趟”是状语。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

19.形容词常作主语、宾语、定语、状语和补语。

A.错

B.对

ĐÁP ÁN : A

20.“我好！”句中的“好”是谓语。

A.对

B.错

ĐÁP ÁN : A

B. CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG 选择题

21.好而便宜

A.并列词组

B.偏正词组

C.主谓词组

D.动宾词组

ĐÁP ÁN : A

22.心情不错

A.主谓词组

B.并列词组

C.偏正词组

D.动宾词组

ĐÁP ÁN : A

23. 收集资料

- A. 动宾词组
- B. 并列词组
- C. 偏正词组
- D. 主谓词组

ĐÁP ÁN : A

24. 贤惠妻子

- A. 偏正词组
- B. 并列词组
- C. 数量词组
- D. 主谓词组

ĐÁP ÁN : A

25. 一身土

- A. 数量词组
- B. 偏正词组
- C. 并列词组
- D. 主谓词组

ĐÁP ÁN : A

26. 走得快

- A. 补充词组
- B. 偏正词组
- C. 并列词组
- D. 主谓词组

ĐÁP ÁN : A

27. 我左边

- A. 方位词组
- B. 数量词组
- C. 并列词组
- D. 主谓词组

ĐÁP ÁN : A

28. 上海这个城市

- A. 同位词组
- B. 主谓词组
- C. 并列词组
- D. 介宾词组

ĐÁP ÁN : A

29. 母女二人

- A. 同位词组

- B.主谓词组
- C.并列词组
- D.介宾词组
- ĐÁP ÁN : A**

- 30.看不清楚**
- A.补充词组
 - B.主谓词组
 - C.并列词组
 - D.介宾词组
 - ĐÁP ÁN : A**

II/ PHẦN TỰ LUẬN (8 câu / 2.5 điểm = 0.125 điểm/ 1 câu)

1.指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语 (0.125 分)

*他非常诚恳地征求大家的意见。

ĐÁP ÁN :

- 主语: 他
- 谓语: 征求
- 宾语: 意见
- 定语: 大家
- 状语: 非常、诚恳地

2.指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语 (0.125 分)

*白色的丝线拧成细细的绳子。

ĐÁP ÁN :

- 主语: 细线
- 谓语: 拧
- 宾语: 绳子
- 定语: 白色、细细
- 补语: 成

3.指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语 (0.125 分)

*鲁班是我国古代春秋时期一位著名的建筑工匠。

ĐÁP ÁN :

- 主语: 鲁班
- 谓语: 是
- 宾语: 工匠
- 定语: 我国古代春秋时期一位著名的建筑

4.指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语 (0.125 分)

*我们暂时在这儿休息一下。

ĐÁP ÁN :

- 主语: 我们
- 谓语: 休息

-状语：暂时、在这儿

-补语：一下

5. 指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语（0.125分）

*我已经读过两遍了。

ĐÁP ÁN:

-主语：我

-谓语：读

-状语：已经

-补语：过、两遍

6. 指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语（0.125分）

*车间已经完成了全年的任务。

ĐÁP ÁN:

-主语：车间

-谓语：完成

-宾语：任务

-状语：已经

-定语：全年

7. 指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语（0.125分）

*薄薄的轻雾浮起在池塘里。

ĐÁP ÁN:

-主语：轻雾

-谓语：浮

-定语：薄薄

-补语：起在池塘里

8. 指出下列句子里的主语、谓语、宾语、定语、状语和补语（0.125分）

*天气比屋里冷得多。

ĐÁP ÁN:

-主语：天气

-谓语：冷

-状语：比屋里

-补语：多

Ngày biên soạn: 10/10/2023

Giảng viên biên soạn đề thi: Mai Thu Hoài

Ngày kiểm duyệt: 10/10/2023

Trưởng Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Mai Thu Hoài